

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2023/HNGĐ-PT

Ngày: 14 - 6 - 2023

V/v tranh chấp ly hôn và nuôi con
chung khi ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Nguyễn Hữu Tuấn

Các Thẩm phán:

ông Lê Nguyên Khoa

bà Nguyễn Thị Tư

- Thư ký phiên tòa: ông Thái Thành Đạt – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh
Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa: bà
Nguyễn Ngọc Bích - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 6 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét
xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 08/2023/TLPT-HNGĐ ngày 29 ngày 3
năm 2023 về: “tranh chấp ly hôn và nuôi con chung khi ly hôn”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 08/2023/HNGĐ-ST ngày 13 tháng 02 năm
2023 của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Vĩnh Long bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 14/2023/QĐ-PT ngày
30 tháng 5 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* anh Trần Thanh H; cư trú tại: số G, KV1, phường A, quận N,
thành phố Cần Thơ.

- *Bị đơn:* chị Nguyễn Thị Phương D; cư trú tại: tổ B, ấp T, xã T, huyện B,
tỉnh Vĩnh Long.

- *Người kháng cáo:* chị Nguyễn Thị Phương D - Là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 10/11/2022 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên
đơn anh Trần Thanh H trình bày: anh và chị Nguyễn Thị Phương D quen biết,

chung sống như vợ chồng từ năm 2018 nhưng đến nay chưa đăng ký kết hôn, anh chị có một con chung tên Nguyễn Hữu L, sinh ngày 01/3/2020. Từ tháng 3/2021, chị D mang cháu L về nhà cha mẹ ruột ở tổ B, ấp T, xã T, huyện B, tỉnh Vĩnh Long sinh sống. Tháng 7/2021 anh mang cháu L về nhà chăm sóc, đến ngày 21/10/2021 chị D đến đưa cháu L về nhà cha mẹ và hứa 10 ngày sau đưa cháu L về nhà anh. Ngày 09/11/2021, anh có đến nhà cha mẹ chị D xin đưa cháu L về nhưng gia đình chị D không đồng ý. Anh không đồng ý để chị D đưa cháu L sang Campuchia sinh sống, những lần anh đến thăm con thì không thấy chị D chăm sóc mà chỉ có cha mẹ chị D chăm sóc cháu L. Anh nhiều lần yêu cầu vợ chồng hàn gắn nhưng không có kết quả. Do đó, anh H khởi kiện yêu cầu ly hôn với chị Nguyễn Thị Phương D và yêu cầu nuôi con Nguyễn Hữu L, không yêu cầu chị D cấp dưỡng nuôi con.

Về quan hệ tài sản: không tranh chấp.

Tại biên bản hòa giải ngày 04/01/2023, bị đơn chị Nguyễn Thị Phương D trình bày: chị ở nhà thuê và làm việc tại Campuchia từ tháng 5/2021 cho đến nay, thu nhập mỗi tháng từ 70.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng. Con chung là cháu Nguyễn Hữu L chị gửi cho ông bà ngoại chăm sóc, nuôi dưỡng, mỗi tháng chị về thăm con một lần. Mẹ chị làm nghề bán thịt heo tại chợ từ 03 giờ sáng đến 08 giờ sáng mới về nhà, khi mẹ chị đi bán thì cha chị trông giữ cháu L.

Anh H yêu cầu ly hôn thì chị đồng ý, việc anh H yêu cầu được nuôi cháu L chị không đồng ý vì chị có khả năng nuôi dưỡng, chăm sóc cháu L. Chị và cháu L đang ở với ông bà ngoại. Ông bà ngoại có điều kiện phụ giúp chăm sóc cháu L. Anh H không đủ khả năng nuôi dưỡng cháu L vì từ năm 2021 đến nay anh H không chu cấp, chăm lo cho cháu L. Do phải đi làm xa nên chị đề nghị xét xử vắng mặt chị.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 08/2023/HNGĐ-ST ngày 13 tháng 02 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Vĩnh Long đã quyết định:

Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 37, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

Áp dụng các Điều 14, 53, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điều 144, Điều 147 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của anh Trần Thanh H.

Về hôn nhân: không công nhận anh Trần Thanh H và chị Nguyễn Thị Phương D là vợ chồng.

Về con chung: công nhận cho anh Trần Thanh H được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Chị Nguyễn Thị Phương D chưa phải cấp dưỡng nuôi con.

Chị D có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, việc thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 27/02/2023, bị đơn chị Nguyễn Thị Phương D kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm chấp nhận cho chị được quyền tiếp tục nuôi con Nguyễn Hữu L, sinh ngày 01/3/2020, chị không yêu cầu anh Trần Thanh H cấp dưỡng nuôi con.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án và đề nghị chấp nhận yêu cầu kháng cáo của chị D. Do cháu L tính đến ngày xét xử sơ thẩm cháu dưới 36 tháng tuổi, từ trước đến nay cháu L do chị D nuôi dưỡng. Cháu được nuôi dưỡng tốt, phát triển bình thường, để ổn định cần tiếp tục giao cháu L cho chị D nuôi dưỡng. Do sửa bản án sơ thẩm, chị D không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Tại phiên tòa anh H tự nguyện cấp dưỡng nuôi con, mỗi tháng 5.000.000 đồng, đề nghị chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Chị Nguyễn Thị Phương D là bị đơn có đơn kháng cáo, Tòa án triệu tập hợp lệ đối với chị và chị có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, căn cứ khoản 1 Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt đối với chị D.

[2] Nhận thấy: anh H và chị D có 01 con chung là cháu Nguyễn Hữu L, sinh ngày 01/3/2020, cháu hiện nay do chị D đang nuôi dưỡng. Xét trong quá trình giải quyết vụ án, việc cha mẹ có nguyện vọng trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục con sau khi ly hôn vừa là quyền và nghĩa vụ của cha mẹ được quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014. Khi giải quyết ly hôn các đương sự tự thỏa thuận với nhau về việc nuôi con hoặc Tòa án xử giao con cho ai là người trực tiếp nuôi phải căn cứ vào điều kiện cụ thể của từng người và phải quan tâm đến quyền và lợi ích mọi mặt của đứa trẻ. Căn cứ tài liệu chứng cứ trong hồ sơ vụ án thì anh H và chị D đều có đủ điều kiện để nuôi con.

Xét thấy cháu L sinh ngày 01/3/2020 tính đến ngày xét xử sơ thẩm cháu còn dưới 36 tháng tuổi. Tại Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 quy định con dưới 36 tháng tuổi giao cho người mẹ trực tiếp nuôi. Căn cứ quy định này, cấp sơ thẩm giao cháu L cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng là không đúng quy định. Mặt khác từ trước đến nay cháu L đều do chị D và gia đình chị D nuôi dưỡng, cháu được nuôi dưỡng tốt và phát triển bình thường. Vì vậy để bảo đảm ổn định môi trường sống và học tập của cháu cần tiếp tục giao cháu L cho chị D nuôi dưỡng. Anh H có quyền đến thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở.

[3] Chị D chưa yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con. Tại phiên tòa phúc thẩm, anh H trình bày anh làm nghề kinh doanh cho thuê xe tải, thu nhập mỗi tháng khoảng 60.000.000 đồng, trường hợp giao con cho chị D nuôi dưỡng anh tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 5.000.000 đồng, thời gian cấp dưỡng cho đến khi cháu đủ 18 tuổi. Nhận thấy sự tự nguyện cấp dưỡng nuôi con của anh H phù hợp với quy định của pháp luật, không trái đạo đức xã hội nên được chấp nhận.

[4] Đối với việc nuôi con chung sau khi ly hôn: nếu anh H có đủ căn cứ cho rằng chị D không còn đủ điều kiện nuôi con chung hoặc ngược đãi con chung thì có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con, theo quy định của Luật Hôn nhân và Gia đình

[5] Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án và đề nghị: chấp nhận yêu cầu kháng cáo của chị D và sửa bản án sơ thẩm giao cháu L cho chị D nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện cấp dưỡng nuôi con của anh H. Nhận thấy đề nghị của Kiểm sát viên phù hợp với tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án, áp dụng đúng quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308, khoản 1 Điều 309 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của chị D và sửa Bản án sơ thẩm số 08/2023/HNGĐ-ST ngày 13 tháng 02 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Vĩnh Long.

Áp dụng các Điều 81, 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về con chung: giao cháu Nguyễn Hữu L, sinh ngày 01/3/2020 cho chị Nguyễn Thị Phương D tiếp tục nuôi dưỡng.

Ghi nhận sự tự nguyện của anh Trần Thanh H về việc anh H thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Nguyễn Hữu L, mỗi tháng 5.000.000 đồng, thời gian cấp dưỡng được tính từ ngày tuyên bản án phúc thẩm (ngày 14/6/2023) cho đến khi cháu L đủ 18 tuổi.

Anh H có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con, lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

2. Về án phí phúc thẩm: chị D không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm chị D nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 2832 ngày 27/02/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Vĩnh Long được hoàn trả lại cho chị D.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo kháng nghị phúc thẩm có hiệu lực pháp luật thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TANDCC: 01b;
- VKSNDTVL: 02b
- CATANDTVL: 01b;
- TANDHB: 01b;
- THADSHB: 02b;
- Đ/sự: 02b;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án: 04b.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Hữu Tuấn